

Số: ~~3086~~/QĐ-HVTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về mức thu học phí đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 125/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 tháng 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2806/QĐ-BTP Ngày 06 tháng 11 năm 2019 Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư của Học viện Tư pháp như sau:

1. Mức thu học phí:

- Đối với các khóa đào tạo mở tại trụ sở Học viện Tư pháp tại Hà Nội, các khóa đào tạo mở ngoài trụ sở của Học viện Tư pháp tại Hà Nội và Cơ sở Học viện Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh: 34.140.000 đồng/học viên/khoá học (Ba mươi tư triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn);

- Đối với các khóa đào tạo mở tại Cơ sở Học viện Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh: 37.790.000 đồng/học viên/khoá học (Ba mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn);

Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục đính kèm.

2. Mức thu học phí trên bao gồm giáo trình cấp cho học viên tham gia các khóa đào tạo.

3. Mức thu học phí trên không bao gồm chi phí phát sinh cho việc tổ chức lớp học ở ngoài trụ sở của Học viện Tư pháp tại Hà Nội và Cơ sở Học viện Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quy định mức phí học lại các tín chỉ theo quy định tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Về chính sách ưu đãi miễn, giảm học phí và điều kiện áp dụng:

1. Ưu đãi miễn, giảm học phí cho học viên thuộc đối tượng chính sách:

a) Miễn 100% tổng mức thu học phí đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có);

b) Giảm 50% tổng mức thu học phí đối với những học viên thuộc một trong các đối tượng sau:

- Con liệt sĩ;

- Người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

c) Giảm 30% tổng mức thu học phí đối với những học viên thuộc một trong các đối tượng sau:

- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của thương binh, bệnh binh;

- Cựu chiến binh (theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế).

2. Ưu đãi giảm học phí cho học viên đã theo học tại Học viện Tư pháp:

Giảm 30% tổng mức thu học phí đối với những học viên là người đã hoàn thành một trong các khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, đào tạo nghiệp vụ kiểm sát hoặc đào tạo nghề luật sư tại Học viện Tư pháp.

3. Ưu đãi giảm học phí cho học viên nộp hồ sơ sớm với các mức như sau:

a) Từ học viên thứ 1 đến học viên thứ 10: Giảm 30% tổng mức học phí của toàn khóa học;

b) Từ học viên thứ 11 đến học viên thứ 20: Giảm 20% tổng mức học phí của toàn khóa học;

c) Từ học viên thứ 21 đến học viên thứ 30: Giảm 10% tổng mức học phí của toàn khóa học;

d) Từ học viên thứ 31 đến học viên thứ 50: Giảm 5% tổng mức học phí của toàn khóa học;

4. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng và hồ sơ ưu đãi miễn, giảm học phí:

a) Nguyên tắc, điều kiện áp dụng:

- Học viên thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này chỉ được hưởng một ưu đãi có mức cao nhất.

- Đối với quy định tại khoản 3 Điều này: Tính theo thời gian học viên nộp hồ sơ dự tuyển. Học viên chỉ được hưởng chế độ ưu đãi giảm học phí khi nộp hồ đầy đủ theo quy định và nộp học phí cho toàn khóa học. Trường hợp học viên nộp hồ sơ sớm nhưng không nộp 100% học phí khóa học không được quyền ưu đãi giảm học phí.

- Trường hợp đặc biệt do Giám đốc quyết định.

b) Hồ sơ ưu đãi miễn, giảm, ưu đãi học phí:

- Đối với học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối với học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này: Học viên cung cấp bản sao có chứng thực Chứng chỉ (Giấy chứng nhận) đào tạo nghề.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Mức thu học phí quy định tại Quyết định này áp dụng đối với các khóa đào tạo mở sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực.

3. Các Quyết định số 675/QĐ-HVTP ngày 15/5/2018, Quyết định số 1029/QĐ-HVTP ngày 11/8/2017, Quyết định số 1968/QĐ-HVTP ngày 26/12/2018 về mức thu học phí đối với các lớp đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư vẫn có hiệu lực thi hành đối với các khóa đào tạo mở trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực.

4. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp và Đối ngoại, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Học viện Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để báo cáo);
- Vụ TCCB, Cục BTPP, Vụ KHTC (để phối hợp);
- Lưu: VT, TCKT.



Đoàn Trung Kiên





PHỤ LỤC
CHI TIẾT MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO CHUNG NGUỒN THẨM PHÁN, KIỂM SÁT VIÊN, LUẬT SƯ
(Kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-HVTP ngày 15/12/2019 của Giám đốc Học viện Tư pháp)

Tổng số 53 tín chỉ (tương đương 1.640 giờ tín chỉ)

Thời gian đào tạo: 18 tháng

Mức thu học phí đối với các khóa đào tạo mở tại trụ sở Học viện Tư pháp (Hà Nội) và các lớp mở tại địa phương: 34.140.000 đồng/học viên/khóa học;

Mức thu học phí đối với các khóa đào tạo mở tại Cơ sở Học viện Tư pháp tại Tp. Hồ Chí Minh: 37.790.000 đồng/học viên/khóa học;

Đơn vị tính: Đồng

S	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	Học phí học tại Học viện Tư pháp (Hà Nội) và địa phương	Học phí học tại Cơ sở Học viện Tư pháp tại Tp. HCM
I		KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC	31	805	27.136.000	30.038.000
1	LS1	Luật sư và đạo đức nghề luật sư	4	95	3.502.000	3.876.000
2	LS2	Kỹ năng cơ bản của luật sư trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án	6	125	5.253.000	5.814.000
3	LS3	Kỹ năng cơ bản của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự	6	140	5.253.000	5.814.000
4	LS4	Kỹ năng cơ bản của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ, việc dân sự	6	140	5.253.000	5.814.000
5	LS5	Kỹ năng cơ bản của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ việc hành chính	5	125	4.377.000	4.845.000
6	TT	Thực tập	4	180	3.498.000	3.875.000

S T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	Học phí học tại Học viện Tur pháp (Hà Nội) và địa phương	Học phí học tại Cơ sở Học viện Tur pháp tại Tp. HCM
II		KHÔI KIẾN THỨC TỰ CHỌN (<i>Học sinh chọn 2 trong số 12 học phần tự chọn</i>)	8	185	7.004.000	7.752.000
1	CSTV1	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án - Học phần tự chọn 1	4	95	3.502.000	3.876.000
2	CSTV2	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án - Học phần tự chọn 2	4	90	3.502.000	3.876.000
3	CSTV3	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án - Học phần tự chọn 3	4	80	3.502.000	3.876.000
4	CSHS1	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự Học phần tự chọn 4	4	95	3.502.000	3.876.000
5	CSHS2	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự Học phần tự chọn 5	4	95	3.502.000	3.876.000
6	CSHS3	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự Học phần tự chọn 6	4	95	3.502.000	3.876.000
7	CSDS1	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ, việc dân sự - Học phần tự chọn 7	4	110	3.502.000	3.876.000
8	CSDS2	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ, việc dân sự - Học phần tự chọn 8	4	110	3.502.000	3.876.000

S T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	Học phí học tại Học viện Tu pháp (Hà Nội) và địa phương	Học phí học tại Cơ sở Học viện Tu pháp tại Tp. HCM
9	CSDS3	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ, việc dân sự - Học phần tự chọn 9	4	110	3.502.000	3.876.000
10	CSHC1	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong giải quyết các vụ việc hành chính - Học phần tự chọn 10	4	115	3.502.000	3.876.000
11	CSHC2	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong giải quyết các vụ việc hành chính - Học phần tự chọn 11	4	115	3.502.000	3.876.000
12	CSHC3	Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong giải quyết các vụ việc hành chính - Học phần tự chọn 12	4	105	3.502.000	3.876.000
TỔNG CỘNG			39	990	34.140.000	37.790.000

